

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – CTCK)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – CTCK)	9
Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (Mẫu số B 05 – CTCK)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – CTCK)	12

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép Thành lập và Hoạt động

Số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 60/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thế Năng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phú Thủy	Thành viên
Bà Trương Thị Đàm	Thành viên
Ông Đinh Hoàng Hà	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Hương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Cường	Quyền Tổng Giám đốc (đến ngày 31/12/2015)
Ông Nguyễn Minh Cường	Tổng Giám đốc (từ ngày 31/12/2015)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Thế Năng	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 31/12/2015)
Ông Nguyễn Minh Cường	Tổng Giám đốc (từ ngày 31/12/2015)

Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh là tự doanh chứng khoán, môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.

Trụ sở chính

Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 32. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.



Nguyễn Minh Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 3 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2015 và được Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 3 tháng 3 năm 2016. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên cùng các thuyết minh cho các báo cáo tài chính từ trang 5 đến 32.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, thay đổi vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Phạm Thị Xuân Mai
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1771-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5030
TP. Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2016



Hồ Ngọc Thăng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2262-2013-006-1

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, và các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		301.616.957.861	138.094.247.461
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.527.817.932	8.261.727.691
111	Tiền		2.527.817.932	8.261.727.691
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	282.755.142.259	119.089.108.739
121	Đầu tư ngắn hạn		287.506.073.539	124.608.503.539
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(4.750.931.280)	(5.519.394.800)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		15.100.758.064	10.512.308.577
131	Phải thu của khách hàng		10.000.000	10.000.000
132	Ứng trước cho người bán		101.986.000	50.000.000
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		322.255	116.133
138	Các khoản phải thu khác	6	29.917.837.542	22.881.580.177
139	Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(14.929.387.733)	(12.429.387.733)
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.233.239.606	231.102.454
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	89.456.679	230.702.454
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	1.143.382.927	-
158	Tài sản ngắn hạn khác		400.000	400.000
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		24.396.654.496	191.718.692.658
220	Tài sản cố định		951.550.754	2.037.927.101
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	321.144.006	488.392.478
222	Nguyên giá		6.080.101.143	6.497.860.297
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.758.957.137)	(6.009.467.819)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	630.406.748	1.549.534.623
228	Nguyên giá		6.402.555.040	6.347.055.040
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.772.148.292)	(4.797.520.417)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5	22.000.000.000	187.000.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác		22.000.000.000	187.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		1.445.103.742	2.680.765.557
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11	27.032.680	1.330.620.979
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	1.267.532.562	1.199.606.078
268	Tài sản dài hạn khác		150.538.500	150.538.500
270	TỔNG TÀI SẢN		326.013.612.357	329.812.940.119

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		8.087.270.760	8.823.212.300
310	Nợ ngắn hạn		8.087.270.760	8.823.212.300
312	Phải trả người bán		8.745.754	8.745.754
313	Người mua trả tiền trước		30.000.000	30.000.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	39.015.381	499.292.278
315	Phải trả người lao động		261.477.507	54.000.000
316	Chi phí phải trả		50.991.256	52.189.153
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	4.612.523.649	3.718.056.881
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	1.683.731.819	3.284.805.326
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	16	1.202.240.680	1.121.115.040
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	198.544.714	55.007.868
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		317.926.341.597	320.989.727.819
410	Vốn chủ sở hữu		317.926.341.597	320.989.727.819
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	300.000.000.000	300.000.000.000
417	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		5.359.769.722	4.868.459.192
418	Quỹ dự phòng tài chính		5.359.769.722	4.868.459.192
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		153.609.293	257.109.293
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.053.192.860	10.995.700.142
440	TỔNG NGUỒN VỐN		326.013.612.357	329.812.940.119

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Mệnh giá tại ngày	
		31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
6. Chứng khoán lưu ký	006	196.355.850.000	299.269.020.000
<i>Trong đó:</i>			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	105.409.380.000	103.043.760.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	16.255.990.000	15.779.800.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	89.153.390.000	87.263.960.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	90.829.100.000	95.031.060.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	90.829.100.000	95.031.060.000
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022	-	101.150.000.000
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024	-	101.150.000.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	117.000.000	44.200.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	117.000.000	44.200.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	370.000	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	370.000	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	21.300.920.000	21.548.260.000
<i>Trong đó:</i>			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	20.826.440.000	20.378.770.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	970.000	920.000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	20.825.470.000	20.377.850.000
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	474.480.000	1.169.490.000
7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057	3.190.000	2.690.000
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	471.290.000	1.166.800.000


 Phan Tuyết Minh
 Người lập


 Nguyễn Minh Cường
 Tổng Giám đốc
 Ngày 3 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
01	Doanh thu	21.921.168.459	25.341.600.403
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	83.386.099	354.518.542
1.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	19 1.108.174.400	3.703.458.508
1.5	Doanh thu hoạt động ủy thác	-	81.818.182
1.9	Doanh thu khác	20 20.729.607.960	21.201.805.171
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21.921.168.459	25.341.600.403
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	21 (2.350.095.105)	(7.434.594.973)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	19.571.073.354	17.907.005.430
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22 (7.283.496.003)	(413.602.452)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.287.577.351	17.493.402.978
31	Thu nhập khác	1.032.298	603.609.657
32	Chi phí khác	-	(111.453.849)
40	Thu nhập khác – thuần	1.032.298	492.155.808
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.288.609.649	17.985.558.786
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	23 (1.158.810.724)	(2.303.208.288)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23 (1.303.588.299)	(1.479.704.917)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.826.210.626	14.202.645.581
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24 301	453
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24 301	453


Phan Tuyết Minh
Người lập


Nguyễn Minh Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 3 tháng 3 năm 2016


Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	12.288.609.649	17.985.558.786
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
02	Khấu hao tài sản cố định	1.141.876.347	1.385.209.219
03	Các khoản dự phòng	1.731.536.480	(1.170.953.925)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(19.457.352.643)	(21.196.903.012)
08	Lỗ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(4.295.330.167)	(2.997.088.932)
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu, chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn, tài sản ngắn hạn khác	5.188.758.748	(94.008.009.491)
11	Giảm các khoản phải trả	(12.504.748.918)	(4.046.297.022)
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước	141.245.775	(1.033.231)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.732.737.893)	(657.773.026)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	10.395.213.282	(846.931.952)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.807.599.173)	(102.557.133.654)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(55.500.000)	-
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	-	603.609.657
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	82.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	8.443.922.414	29.396.172.848
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	8.388.422.414	111.999.782.505
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(10.314.733.000)	(10.136.122.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(10.314.733.000)	(10.136.122.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(5.733.909.759)	(693.473.149)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3 8.261.727.691	8.955.200.840
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3 2.527.817.932	8.261.727.691


Phan Tuyết Minh
Người lập




Nguyễn Minh Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 3 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	300.000.000.000	4.158.326.913	4.158.326.913	330.709.293	7.817.424.942	316.464.788.061
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	14.202.645.581	14.202.645.581
- Trích lập quỹ trong năm (*)	-	710.132.279	710.132.279	-	(1.420.264.558)	-
- Sử dụng quỹ trong năm (**)	-	-	-	(73.600.000)	-	(73.600.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh số 17)	-	-	-	-	(604.105.823)	(604.105.823)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	300.000.000.000	4.868.459.192	4.868.459.192	257.109.293	10.995.700.142	320.989.727.819
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	9.826.210.626	9.826.210.626
- Trích lập quỹ trong năm (*)	-	491.310.530	491.310.530	-	(982.621.060)	-
- Sử dụng quỹ trong năm (**)	-	-	-	(103.500.000)	-	(103.500.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh số 17)	-	-	-	-	(786.096.848)	(786.096.848)
- Tạm ứng cổ tức (***)	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	300.000.000.000	5.359.769.722	5.359.769.722	153.609.293	7.053.192.860	317.926.341.597

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

- (*) Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, Công ty phải trích lập các quỹ sau:
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.
 - Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.
- (**) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập cho việc khen thưởng khách hàng có lượng giao dịch lớn trong năm (“Quỹ thưởng khách hàng”). Mức trích lập hàng năm của Quỹ thưởng khách hàng được phê duyệt bởi Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.
- (***) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 14 tháng 12 năm 2015, Công ty đã ứng trước cổ tức năm 2015 bằng tiền tương đương 4% vốn điều lệ hiện có của Công ty.



Phan Tuyết Minh
Người lập



Nguyễn Minh Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 3 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 60/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp.

Ngày 8 tháng 12 năm 2012, Công ty đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước phê duyệt để thực hiện giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn Thông tư 74/2011/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 6 năm 2011.

Ngày 7 tháng 6 năm 2013, Công ty nhận được giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp, phê duyệt thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Ngày 11 tháng 11 năm 2014, Công ty nhận được giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC – UBCK do UBCKNN cấp, thay đổi địa điểm trụ sở chính.

Trong tháng 1 năm 2014, Công ty đã nộp hồ sơ đóng cửa chi nhánh Hà Nội và được UBCKNN chấp thuận theo Quyết định số 203/QĐ – UBCK ngày 9 tháng 3 năm 2014.

Ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nhận được giấy phép điều chỉnh số 60/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp, phê duyệt thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Hoạt động chính của Công ty là tự doanh chứng khoán; môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký; tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 18 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: 20 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC (“Quyết định 15”) ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các thay đổi của Thông tư 200 theo Điều 127 của Thông tư 200 như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ - Thuyết minh 2.4

Theo Quyết định 15, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán.

Mặt khác, theo Thông tư 200 các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu – Thuyết minh 24

Theo Quyết định 15, Công ty phải tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo các khoản lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Tuy nhiên, theo Thông tư 200 lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách dùng lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (tử số) chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được tính toán lại để phù hợp với cách tính toán của năm nay theo Thông tư 200. Chi tiết về việc tính toán lại được trình bày tại Thuyết minh 24.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (bao gồm cả tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán), tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là những khoản đầu tư được Công ty nắm giữ với ý định sẽ thu hồi trong vòng 12 tháng hoặc có thời hạn thu hồi ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán kinh doanh và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn là những khoản đầu tư được Công ty nắm giữ với ý định sẽ thu hồi sau hơn 12 tháng hoặc có thời hạn thu hồi sau hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.7 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)***Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)*

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập khi có bằng chứng của sự suy giảm giá trị hoặc trong trường hợp Công ty không thể thu hồi các khoản đầu tư này.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ cung cấp dịch vụ, phải thu từ mua bán các khoản đầu tư, phải thu từ giao dịch ứng trước và giao dịch ký quỹ cho nhà đầu tư, dự thu tiền lãi và thu nhập cổ tức và các khoản phải thu khác.

Các khoản phải thu được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc/hợp đồng gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm.

Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.9 Tài sản cố định*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Máy móc thiết bị	33,3%
Phương tiện vận tải	16,67%
Thiết bị quản lý	14,3% - 33,3%
Phần mềm vi tính	20% - 33,3%

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.10 Chi phí đi vay

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư được xác lập.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước. Thu nhập lãi của các khoản tạm ứng quá hạn không được trích trước mà được ghi nhận trên cơ sở thực thu.

2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động chứng khoán tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.13 Chia cổ tức

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn.

2.14 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả ngân hàng mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

2.17 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	885.153	22.537.109
Tiền gửi ngân hàng	2.526.932.779	8.239.190.582
Trong đó:		
<i>Tiền của Công ty</i>	<i>843.200.960</i>	<i>4.963.435.256</i>
<i>Tiền của nhà đầu tư (Thuyết minh 15)</i>	<i>1.683.731.819</i>	<i>3.275.755.326</i>
	<u>2.527.817.932</u>	<u>8.261.727.691</u>

4 KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VNĐ
Các giao dịch mua bán cổ phiếu trên sàn giao dịch:		
a) Của Công ty	175.000	1.872.500.000
b) Của nhà đầu tư	2.992.194	41.163.847.000
	<u>3.167.194</u>	<u>43.036.347.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ	So với giá trị trường		Giá trị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015					
(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn	287.506.073.539	21.906.080.741	(4.750.931.280)	304.661.223.000	(4.750.931.280)
- Chứng khoán vốn niêm yết	11.444.310.139	21.906.080.741	(4.615.767.880)	28.734.623.000	(4.615.767.880)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	1.561.763.400	-	(135.163.400)	1.426.600.000	(135.163.400)
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	274.500.000.000	-	-	274.500.000.000	-
(b) Đầu tư tài chính dài hạn	22.000.000.000	-	-	22.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	22.000.000.000	-	-	22.000.000.000	-
	309.506.073.539	21.906.080.741	(4.750.931.280)	326.661.223.000	(4.750.931.280)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014					
(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn	124.608.503.539	11.015.691.638	(5.519.394.800)	130.104.800.377	(5.519.394.800)
- Chứng khoán vốn niêm yết	11.448.199.539	11.015.691.638	(3.999.090.795)	18.464.800.382	(3.999.090.795)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	4.160.304.000	-	(1.520.304.005)	2.639.999.995	(1.520.304.005)
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	109.000.000.000	-	-	109.000.000.000	-
(b) Đầu tư tài chính dài hạn	187.000.000.000	-	-	187.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	187.000.000.000	-	-	187.000.000.000	-
	311.608.503.539	11.015.691.638	(5.519.394.800)	317.104.800.377	(5.519.394.800)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- (i) Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại các sở giao dịch chứng khoán.
- (ii) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân của các chứng khoán này do Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông cung cấp.
- (iii) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại trong nước và được ghi nhận theo giá gốc.

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Phải thu tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư	11.287.735.088	11.287.735.088
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	14.978.963.089	2.857.358.460
Phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	3.641.652.645	8.726.999.909
Các khoản phải thu khác	9.486.720	9.486.720
	<u>29.917.837.542</u>	<u>22.881.580.177</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

7 DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Tại ngày 31.12.2015		Tại ngày 31.12.2014	
	Giá trị nợ phải thu khó đòi VNĐ	Mức trích lập dự phòng VNĐ	Giá trị nợ phải thu khó đòi VNĐ	Mức trích lập dự phòng VNĐ
Tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư	11.287.735.088	11.287.735.088	11.287.735.088	8.787.735.088
Phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	3.641.652.645	3.641.652.645	8.726.999.909	3.641.652.645
		14.929.387.733		12.429.387.733

Tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư và phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết do Công ty nắm giữ.

Mức trích lập dự phòng được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của nợ phải thu khó đòi và giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

7 DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI (tiếp theo)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Số dư đầu năm	12.429.387.733	18.418.076.162
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 22)	2.500.000.000	(5.988.688.429)
Số dư cuối năm	14.929.387.733	12.429.387.733

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Số dư đầu năm	230.702.454	224.895.056
Tăng trong năm	1.089.965.787	1.740.817.373
Phân bổ trong năm	(1.231.211.562)	(1.735.009.975)
Số cuối năm	89.456.679	230.702.454

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu liên quan đến chi phí bảo trì phần mềm giao dịch chứng khoán hằng năm của Công ty.

9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước là tiền thuế Thu nhập Doanh nghiệp nộp thừa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**
10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	1.046.180.890	5.451.679.407	6.497.860.297
Xoá sổ	(105.424.484)	(312.334.670)	(417.759.154)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	940.756.406	5.139.344.737	6.080.101.143
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	718.815.685	5.290.652.134	6.009.467.819
Khấu hao trong năm	124.863.272	42.385.200	167.248.472
Xoá sổ	(105.424.484)	(312.334.670)	(417.759.154)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	738.254.473	5.020.702.664	5.758.957.137
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	327.365.205	161.027.273	488.392.478
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	202.501.933	118.642.073	321.144.006

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 5.231.577.867 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.822.279.521 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	6.347.055.040
Mua thêm trong năm	55.500.000
	6.402.555.040
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	4.797.520.417
Khấu hao trong năm	974.627.875
	5.772.148.292
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	1.549.534.623
	630.406.748
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	630.406.748

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.859.731.205 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.807.731.205 đồng).

11 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	27.032.680	1.330.620.979

Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm được ghi nhận như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Số dư đầu năm	1.330.620.979	2.810.325.896
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 23)	(1.303.588.299)	(1.479.704.917)
	27.032.680	1.330.620.979

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 7).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

12 QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đóng thêm 0,01% hàng năm dựa trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và chứng khoán đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng mỗi năm.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	1.199.606.078	954.270.626
Tiền nộp bổ sung	135.852.968	348.151.942
Tiền lãi phát sinh	(67.926.484)	(102.816.490)
	<u>1.267.532.562</u>	<u>1.199.606.078</u>

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Thuế thu nhập cá nhân	39.015.381	68.748.036
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	-	430.544.242
	<u>39.015.381</u>	<u>499.292.278</u>

14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty (Thuyết minh 25(b))	4.535.997.000	2.850.730.000
Kinh phí công đoàn	27.598.649	32.440.758
Phải trả khác	48.928.000	834.886.123
	<u>4.612.523.649</u>	<u>3.718.056.881</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

15 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi của khách hàng tại Công ty (*) (Thuyết minh 3)	1.683.731.819	3.275.755.326
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán cho hoạt động thanh toán bù trừ	-	9.050.000
Số cuối năm	<u>1.683.731.819</u>	<u>3.284.805.326</u>

(*) Khoản tiền này thể hiện tiền gửi của khách hàng tại Công ty cho mục đích giao dịch chứng khoán.

16 PHẢI TRẢ HỘ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu chủ yếu là khoản phải trả hộ cổ tức cho các cổ đông của Công ty mẹ (Thuyết minh 25(b)).

17 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Số đầu năm	55.007.868	156.212.045
Trích lập quỹ trong năm	786.096.848	604.105.823
Sử dụng quỹ trong năm	(642.560.002)	(705.310.000)
Số cuối năm	<u>198.544.714</u>	<u>55.007.868</u>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ 4% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và một mức cố định hàng năm cho thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên, thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**
18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 60/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng Việt Nam (ba trăm tỷ đồng Việt Nam), tương đương 30.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần mệnh giá là 10.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Vốn điều lệ		Vốn góp VNĐ
	VNĐ	%	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	210.058.000.000	70	210.058.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	15.000.000.000	5	15.000.000.000
Các cổ đông khác	74.942.000.000	25	74.942.000.000
	300.000.000.000	100	300.000.000.000

19 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, GÓP VỐN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Thu nhập cổ tức	1.108.174.400	790.498.761
Thu nhập lãi trái phiếu	-	2.908.921.411
Lãi từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	-	4.038.336
	1.108.174.400	3.703.458.508

20 DOANH THU KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Lãi tiền gửi	19.457.352.643	18.393.503.102
Doanh thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ	1.203.161.833	2.694.621.579
Doanh thu khác	69.093.484	113.680.490
	20.729.607.960	21.201.805.171

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

21 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Chi phí khấu hao tài sản cố định	921.502.875	959.808.879
Lỗ từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	730.000.000	-
Chi phí nhân viên	709.419.890	735.122.222
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	433.849.176	472.937.997
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	177.846.761	239.015.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.939.923	209.976.150
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(768.463.520)	4.817.734.504
	2.350.095.105	7.434.594.973

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng nợ khó đòi (Thuyết minh 7)	2.500.000.000	(5.988.688.429)
Chi phí nhân viên quản lý	2.217.023.287	2.609.347.584
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.740.945.244	2.485.124.057
Chi phí thuê văn phòng	602.154.000	824.931.865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	220.373.472	464.779.444
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.050.000
Chi phí bằng tiền khác	-	14.057.931
	7.283.496.003	413.602.452

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

23 THUẾ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.288.609.649	17.985.558.786
Thuế tính ở thuế suất 22%:	2.703.494.123	3.956.822.932
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(243.798.368)	(173.909.727)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất (*)	2.703.268	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.462.399.023	3.782.913.205
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	1.158.810.724	2.303.208.288
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 11)	1.303.588.299	1.479.704.917
	2.462.399.023	3.782.913.205

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế cho giai đoạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011.

(*) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm từ 22% xuống 20% từ năm tính thuế 2016 theo Thông tư 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015	31.12.2014 Tính toán lại (*)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	9.826.210.626	14.202.645.581
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VNĐ)	(786.096.848)	(604.105.823)
	<u>9.040.113.778</u>	<u>13.598.539.758</u>
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>301</u>	<u>453</u>

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014 đã được tính lại theo Thông tư 200 cho mục đích so sánh như sau:

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
	Theo báo cáo trước đây VNĐ	Điều chỉnh theo Thông tư 200 VNĐ	Số liệu tính lại VNĐ
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	14.202.645.581	(604.105.823)	13.598.539.758
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	30.000.000		30.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>473</u>		<u>453</u>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**
25 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (“Công ty mẹ”) do sở hữu 70% vốn góp của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ		
Công ty mẹ		
Doanh thu từ phí môi giới kinh doanh chứng khoán	49.609.435	81.799.484
Doanh thu từ bán tài sản cố định	-	82.806.959
	<u> </u>	<u> </u>
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty mẹ		
Phí thuê văn phòng		30.000.000
	<u> </u>	<u> </u>
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	575.928.254	234.172.513
	<u> </u>	<u> </u>
iv) Các giao dịch khác		
Công ty mẹ		
Cổ tức đã trả cho Công ty mẹ	8.402.320.000	6.301.740.000
Công ty mẹ nhờ trả hộ cổ tức	377.537.600	384.679.700
Cổ tức đã trả hộ cho Công ty mẹ	296.414.860	235.944.020
Phí môi giới thu hộ và trả hộ cho Công ty mẹ	-	6.081.060
	<u> </u>	<u> </u>
Cổ đông cá nhân		
Cổ tức đã trả cho cổ đông cá nhân	1.912.413.000	-
	<u> </u>	<u> </u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

25 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Phải trả khác		
Cổ tức phải trả cho cổ đông của Công ty (Thuyết minh 14)	4.535.997.000	2.850.730.000
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của Công ty mẹ	<u>312.085.987</u>	<u>1.733.887.863</u>
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		
Cổ tức phải trả hộ cho Công ty mẹ (Thuyết minh 16)	<u>1.202.235.180</u>	<u>1.121.112.440</u>

26 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang. Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Dưới 1 năm	393.072.750	602.154.000
Từ 2 năm đến 5 năm	-	401.436.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>393.072.750</u>	<u>1.003.590.000</u>

Báo cáo tài chính đã được Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 3 tháng 3 năm 2016.



Phan Tuyết Minh
Người lập



Nguyễn Minh Cường
Tổng Giám đốc